TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20-11-2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc Cường

2. Ông Nguyễn Văn Sum

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân **huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau** *tham gia phiên toà:* Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chung Chúc H, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã PTT, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh Lê Văn U, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2018 cũng như tại phiên tòa, chị Chung Chúc H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị H và anh Lê Văn U tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/4/2015. Thời gian chung sống do không hợp nhau, vợ chồng thường hay cự cãi, mâu thuẫn kéo dài nên chị H và anh U đã ly thân từ ngày 11/11/2016 đến nay. Nay, chị H yêu cầu ly hôn với anh U.

Về con chung: Chị H và anh U có 01 người con chung tên Lê Bảo C, sinh ngày 26/4/2012, hiện con chung do anh U nuôi dạy. Khi ly hôn chị H thống nhất giao con chung cho anh U nuôi dạy. Chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện chị H và anh U chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị H yêu cầu ly hôn với anh U. Do đó, áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị H và anh U được ly hôn. Con chung hiện anh U nuôi dạy nên cần giao anh U tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Chung Chúc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Lê Văn U. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh U có hộ khẩu tại ấp B, xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tống đạt hợp lệ cho anh U nhưng anh U không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của chị H và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho anh U nhưng anh U vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh U theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh U tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 20/4/2015. Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, chị H cho rằng thời gian chung sống giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc nên chị H yêu cầu ly hôn với anh U. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa chị H và anh U không đạt được nên anh chị đã ly thân từ ngày 11/11/2016 đến nay mà không có thiện chí đoàn tụ. Xét thấy, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải để chị H và anh U có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh U vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Chung Chúc H và anh Lê Văn U được ly hôn là phù hợp.

[4] Về con chung: Cháu tên Lê Bảo C, sinh ngày 26/4/2012. Tại phiên tòa chị H tự nguyện giao cháu C cho anh U tiếp tục nuôi dạy. Xét thấy, cháu Chân hiện anh U nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Vì vậy, cần tiếp

tục giao cháu Lê Bảo C cho anh U nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, Tòa án có tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng anh U không có yêu cầu bằng văn bản và vắng mặt tại các lần hòa giải, xét xử không có lý do nên Hội đồng xét xử không xem xét đối với việc cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Chị H không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung: Chị H xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu giải giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết. Tại đơn xác nhận ngày 12/7/2018 của Ủy ban nhân dân xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận không có ai yêu cầu về nợ đối với vợ chồng chị H và anh U tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Chung chúc H phải chịu án phí theo Điều 27 – Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Chung Chúc H và anh Lê Văn U được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Lê Bảo C, sinh ngày 26/4/2012 (giới tính nữ) cho anh Lê Văn U tiếp tục nuôi dạy. Chị Chung Chúc H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Chung Chúc H phải nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Vào ngày 13 tháng 7 năm 2018 chị H có dự nộp 300.000 đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0005607 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

5.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh U vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND huyện Thới Bình;
-THADS huyện Thới Bình;
-TAND tỉnh Cà Mau;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa